qī mò

期末

Noun · end of term

Example Sentences

zhè ge xué qī mò wǒ men jì huà qù shàng hǎi lǚ xíng
这个学期末，我们计划去上海旅行。

We plan to travel to Shanghai at the end of this semester.

qī mò kǎo shì jiāng zài xià zhōu jǔ xíng
期末考试将在下周举行。

The final exams will be held next week

wǒ men xià zhōu yǒu qī mò kǎo shì
我们下周有期末考试。

We have final exams next week.

Trace each character, then write the word on your own.